

Nhật trình đi biển

của người Bồ Lô tại vùng biển Hà Tĩnh

NGUYỄN DUY THIỆU*

1 - Người Bồ Lô là ai?

Đọc theo ven biển nước ta hiện còn nhiều cộng đồng ngư dân thủy cư. Từ những nghiên cứu khá lâu dài trên thực địa, dựa theo nghề nghiệp kiếm sống có thể phân các cộng đồng này thành hai bộ phận chính: Một bộ phận chuyên làm nghề Đăng, Đáy đánh bắt tôm, cá trong sông, bộ phận còn lại đánh cá bằng câu, và lưới rút ngoài biển khơi. Về mặt nguồn gốc cũng có thể phân họ thành 2 nhóm: Một nhóm có nguồn gốc nông dân trong nội đồng, nhóm còn lại đã cư trú lâu đời trên biển. Thông qua việc quan sát về mặt nhân chủng, cũng như tìm hiểu về lối sống của các cộng đồng ngư dân này, chúng ta có thể nghĩ rằng phần lớn nhóm ngư dân đã cư trú lâu đời trên biển có dáng dấp rất gần gũi với các cư dân Malayu. Nhận xét vừa nêu đặc biệt phù hợp với người Bồ Lô phân bố tại vùng biển từ Thanh Hoá tới Quảng Bình và người Hạ ở vùng biển Khánh Hoà.

GS.Trần Quốc Vương trong *Tạp chí Văn hoá dân gian*, (số 3(71)/2000, tr. 20 - 27) đã dẫn lời TS. Li Tana và một vài nhà khoa học Australia nói rằng họ đã tới thăm một cộng đồng Chăm ở phía Nam đảo Hải Nam, nay làm nghề đánh cá. Cũng trong bài trên, tại

trang 22 dòng 13 từ dưới lên ông viết tiếp: "người Ryu Kyu ở Okynawa, người Cao Sơn ở Đài Loan, người Hak Ka ở ven biển Phúc Kiến, Quảng Đông, người Lê (Đài-ao) ở Hải Nam, người Đan (Thán Sín) ở Vịnh Hạ Long (hậu duệ là Mạc Đăng Dung), người Bồ Lô ở cửa Cờn, cửa Lò, cửa Hội, Nghệ - Tĩnh, người Chăm người Hẹ ở cù lao Ré, hòn Tre đảo Phú Quý v.v... đều là hậu duệ của các cư dân Malayo - Polinesian...".

Trong luận văn tiến sĩ (HN, 2002) Nguyễn Văn Vũ cũng đã cho biết: Ở Quảng Ngãi đã từng có một dân tộc có tên gọi là Ma Da được nói tới trong các văn bia của người Chăm mà theo GS. Đặng Nghiêm Vạn, dân tộc này đã sống ở bờ biển Quảng Ngãi (*Sổ tay các dân tộc Việt Nam*, Nxb, KHXH, Hà Nội, 1983, tr. 39 - 40). Phải chăng họ là một bộ phận người Chăm còn sót lại phải chịu sống hoang lạnh ở vùng ven biển Quảng Ngãi cho đến nhiều thế kỷ sau này trước khi bị Việt hoá hoặc tàn lụi. Các tác giả của *Quảng Ngãi chí* cũng cho biết về tộc người Thổ còn tồn tại ở Lý Sơn (đến lúc viết sách này năm 1932 và in năm 1933) trong lúc bàn đến việc: Người Thổ chỉ biết chõ hầu, hén và đá vôi vào đất liền chứ không biết

* VIỆN NGHIÊN CỨU ĐÔNG NAM Á

nung thành vôi để nấu đường phèn (Nguyễn Bá Trác, Nguyễn Đình Chi, Khiếu Lựu Kiều, 1933, "Quảng Ngãi tỉnh chí", trong *Nam Phong tạp chí*, bản đánh máy lưu tại thư viện tỉnh Quảng Ngãi, tr.148)

Có thể nói, những nhóm ngư dân thủy cư hiện cư trú dọc theo ven biển - những nhóm mà chúng ta nghĩ rằng có thể họ có nguồn gốc Nam Đảo đều rất thống nhất với các đặc điểm chung như sau:

1 - Về cấu trúc hình thể nhìn bằng mắt thường, trông họ rất giống loại hình Polinesien;

2 - Đều thủy cư;

3 - Mỗi quan hệ về nguồn được thiết lập theo "mạng" chiều dọc (giữa các nhóm cùng nguồn gốc cư trú dọc theo ven biển - khác các nhóm thủy cư có nguồn gốc nông dân là các mối quan hệ của họ chỉ hạn chế theo bề ngang với cư dân trên đất liền trong một cửa biển hoặc một vài cửa biển gần nhau mà thôi);

4 - Khai thác cá ngoài biển khơi với hai dạng công cụ chính, giống nhau: Câu và lưới rút (cha ông họ đều đã từng câu cá mập);

5 - Điều luyện về kỹ thuật đi biển (thông thiên, thông đố, thông hà, thông hải) và các kỹ thuật đánh bắt cá;

6 - Tại các điểm cư trú đều tập trung theo nhóm họ (các hộ/thuyền cùng họ thường cùng làm một nghề và xác lập thành những nhóm nhỏ cư trú riêng);

7 - Thiết chế xã hội của họ cao nhất là Vạn (làng chài), nhóm tự quản được hình thành từ các vị "tộc biểu";

8 - Mọi sinh hoạt đều tổ chức trên thuyền; trước đây đã từng thủy táng nay mua đất trên bờ địa táng;

9 - Đối tượng thờ cúng chính là Cá Ông, Mẫu Thoải và một vị thánh tại một cửa bể cụ thể nào đó...

Đối với công việc nghiên cứu, có thể nói, hấp dẫn nhất trong các nhóm này là người Bồ Lô. Người Bồ Lô cư trú dọc theo ven biển từ Thanh Hoá tới Quảng Bình. Họ được mô tả lưng còng, cổ rụt, đi như chạy, khi đi cúi đầu về phía trước, nói như chim hót... Người địa phương gọi họ là dân Nốc câu, hay là dân Bồ Lô, hoặc dân Bố Chính. Trước Cách mạng Tháng Tám 1945, "Bồ Lô" được dùng như một tộc danh để chỉ nhóm người mà dân cửa Sót

quan niệm là "Mường nước mặn". Trong dân gian ở địa phương vẫn còn lưu lại những cách quan niệm cũ về người Bồ Lô như:

Bồ Lô Xuyên Hôi

Không nổi nấu ăn

Không khàn chịt trốc (đầu)

Không nốc (thuyền) đi câu...

Về mặt ngữ nghĩa "Bồ Lô" là gì? Trong tiếng Việt hiện đại, từ Bồ Lô không có nghĩa. Qua những cuộc trao đổi với các bạn đồng nghiệp, chúng tôi chỉ dừng lại ở mức độ đoán định, từ này có gốc Mã Lai. Trong các ngôn ngữ thuộc dòng Nam Đảo, Bù - lao hay Pu - lao có nghĩa là đảo. Đến Nam Bộ từ này được Việt hoá thành "Cù lao" (cù lao Thượng, cù lao Thới...). Phải chăng, trên duyên hải Nam Nghệ Tĩnh này, từ "Bù lao" lại được Việt hoá thành "Bồ Lô" để chỉ nhóm người mà dân địa phương quan niệm là người từ ngoài đảo vào? Như vậy, phải chăng có thể ghép người Bồ Lô vào cùng một loại với người Mô - ken, cũng là dân thủy cư sống thành những chòm trên duyên hải Đông Nam Á lục địa, từ Mianma qua Thái Lan, đến Malaixia, hay là người Mô-rô sống trên biển giữa Nam Philippin và Đông Indônêxia? Thật đáng tiếc chúng tôi chưa đủ cứ liệu trong tay để trả lời câu hóc búa này.

2 - Nhật trình đi biển của người Bồ Lô

Có thể nói, trước đây khi chưa được trang bị công cụ và kỹ thuật hiện đại, đại bộ phận ngư dân tại vùng biển Trung Bộ chỉ quanh quẩn đánh cá gần bờ, trừ người Bồ Lô là có khả năng đi biển khơi và đi xa. Với kỹ thuật đi biển điều luyện, họ có thể nhìn núi, nhìn mặt trời, nhìn trăng, nhìn sao... để định hướng. Khi trời mù mịt không thể nhìn được cái gì thì họ nhìn làn nước vỗ vào mép thuyền... Và nhằm "lập bản đồ" để đi dọc theo ven biển mà họ có bài văn vẫn kể lại các mốc dọc đường đi - ngư dân địa phương gọi là "*Nhật trình*". Nhật trình được phân thành hai phần: Một phần *kể ra* (kể lên phía Bắc) và một phần *kể vô* (kể xuống phía Nam). Điểm xuất phát để "ra", hoặc "vô" là vùng Quảng Bình, Quảng Trị ngày nay, trước đây gọi là châu Bố Chính. Nội dung văn bản như sau:

Kể ra:

Bố Chính là Bố Chính châu

Có ông già lão sống lâu để đời

Ngồi buồn ta kể nhật trình chơi

Vũng Chùa, vũng Áng là nơi dựa thuyền
 Kéo cánh buồm lên, bắt miễn gió Đọ
 Chạy một hồi mới tổ hòn La
 Trông thì đá bạc de ra
 Thần Dương ở đó, đấy là mũi Dung
 Bãi lum tum, cửa Khẩu là đò
 Chạy qua hòn Đọ mới tổ hòn Lài
 Hòn Ẽn nằm giữa không sai
 Nom vô lạch Nhượng đầu Voi nhưng là
 Ngoài khơi có rạn Đá Rà
 Nom vô hòn Sập ngo qua hòn Gùm
 Hòn Trộn thì ở giữa đồng
 Hai móc dóc lòng rạn lái chạy ra
 Nam Giới về huyện Thạch Hà
 Vòng là Can Lộc, Hồng là Nghi Xuân
 Bãi làng Trang sông võ nhí nhỏ
 Hòn đá Ghềnh hàm dưới Lố mọc lên
 Bên ni sông con rồng nhìn lại
 Tượng tượng hình như quan đái đội mào đầu
 Đò Cương đã tới đây gần
 Đó là cái huyện Nghi Xuân đất người
 Chẳng lỏng chẳng khơi
 Hòn Nôm ở giữa tựa hình như đũa đi kheo
 Ngoài khơi sóng bồ leo xeo
 Đây là lạch Hội, lạch Eo ra vào
 Chốn thấp cao là ngàn thanh tịnh
 Chốn thanh tịnh là chốn Bụt Tiên
 Đầu vôi hai núi mọc lên
 Trong Ngự ngoài Mắt đặt tên kéo lằm
 Bãi Lằm chằm hai Ngự một Mắt
 Sức anh hùng bể Bắc dạo chơi
 Cồn Ngang sóng võ ngoài khơi
 Lan Chu đá mọc thành thoi một gò
 Nom chừng đã tới cửa Lò
 Cửa Hiên chặt hẹp đá xây nên thành
 Bãi long cong hình vòng nguyệt
 Làm trai nên phải biết Lạch Vạn có lên hai vai
 Hòn Câu hòn Kiến chẳng sai
 Hai hòn nằm ngoài mới tổ Lạch Thơi
 - Chó ngồi nhoi một hình tho lỗ
 Rồng nằm ngang mới tổ lạch Quèn
 Ông bà đã kết nhân duyên
 Khi xưa hai cụ ở miền chốn đây
 Gạo vôi mới đâm xay mỗi người một bị
 Đạo khắp bốn biển tình chàng
 Hồn con mở miệng xích thẳng
 Mặt lại nhìn mặt hôn thẳng lên trời
 Thuở ông cha có lời truyền dạy
 Gạo vôi mới cúng miễn lạ quen
 Nhìn lên hòn núi đen đen

Đền thờ thánh Phụng đặt tên chùa Bà
 Các lái vô ra bắt gà làm lễ
 Làm lễ rồi đánh chén nghề nga
 Khoan khoan cho khỏi tay ta
 Chạy khỏi ngập Sẻ, nom qua Yên Hồi
 Bãi Yên Hồi nom vào chan chán
 Chạy lợt rồi phẳng lặng như ao
 Trong thì mảnh dạ lao xao
 Kể đầu Vũng Ngọc người vào Biện Sơn
 Chốn Biện Sơn vui hơn các cửa
 Ông Đồ ở giữa dự tính tài gia
 Hòn Vung hòn Núc chan chan
 Ông đồ ông cống dụ dàng ăn chơi
 Chạy ngoài khơi nom vào lạch Bàng
 Đây là gần giáp bảng Thanh Hoa
 Trên thì mũi thủy de ra
 Bãi Cát gần Rọt nom qua Trầu Vòng
 Bãi long cong cửa ngoài chặt hẹp
 Đây là gần cửa Ghép, Trường môn
 Trên thì hai võ ngồi dòm
 Bãi xa Trường Cát nom lên lạch Chèo
 Cạn cồn đất khó ra vào
 Trương buồm máy lái nom qua nẹ Trường
 Hòn đá nằm ngang hình như con lợn
 Trông thì trâu bò lổn xổn nhỏ ra
 Ngoài khơi sóng võ môi loa
 Xôn xao là vọng đây là lạch Sung
 Chốn lạch Sung vui hơn thị tứ
 Mặc lòng người vui thú ăn chơi
 Bãi Tiễn ngược mặt ngóng trời
 Đầu trâu ông Đạ, là nơi Thần Phù
 Ngó cồn Mù cồn Mây là ấy
 Chạy một hồi mới thấy lạch Đài
 Cồn đen thì đóng bên ngoài
 Cồn kia đây nọ ta gài vô trông
 Nước trong sóng đặc như máu cá
 Chiều Cống phơi trắng dạ cò bay
 Cồn đen thì đóng bên này
 Cái đồn Lục Bộ đóng rày ngã ba./.

Kể vó:

Kể từ đời vua Trịnh triều Minh
 Bốn phương phẳng lặng hai kính vũng vàng
 Trên thì vua ngự ngại vàng
 Dưới thì văn võ hai hàng đai cân
 Kể ra cho khắp muôn dân
 Ngày no tháng đủ dần dần âu ca
 Khi xưa nhật trình ta đã kể ra
 Bây giờ dần dà ta lại kể vó
 Trong địa đồ nhật trình có dặn
 Phủ Thừa Thiên, lạch Thuận là đây

Đồn ông cốt tháp thành xây
Trình đồn nạp lệ, rạng ngày mới ra
Gió đông ba cánh thuận hoà
Chạy khỏi một đội đò là lạch Ông
Chốn lạch Ông địa đồ mới đặt
Thuận êm vời chạy bắc mũi Dung
Đèo Hải Vân chất ngất ngàn trùng
Hòn Hành vụng Đò là trong vũng Hàn
Trong vụng Hàn dạ ngồi phơi cánh
Ngoài nghề nằm sống sánh thờ nhang
Mênh mông bát ngát dặm trường
Thấy chùa Non Nước thiên chương địa đồ
Ngó tù mù cù lao là đấy
Hòn Lai, hòn Láng hồn Lai
Ba hòn nằm ngoài cửa Đợi nằm trong
Ngó vào cửa Đợi thương ôi
Hòn Nồm ở giữa mỏ côi một mình
Tam Cấp có rạn trời sinh
Bần than cửa Xế lai kinh Hợp Hòa
Trong Hợp Hòa có chùa Lưu chùa Ổ
Ngàn thông minh thổ lộ non cao
Lao Chàm sóng vỗ rì rào
Sa Kỳ vũng vịnh rạ vào nghỉ ngơi
Chốn nghỉ ngơi nhiều nơi phong cảnh
Ngoài cù lao sống sánh mọc lên
Vốn xưa ông ấy có truyền
Chạy tới Lò Rượu bắt miễn cho khơi
Thảnh thơi ba cánh thảnh thơi
Buông xuống Quảng Nghĩa dặm trường
Thấy hòn Cảnh Quýt sa hoàng đá treo
Lạch Kim Bồng Tam Quan là đó
Chốn thanh nhàn vui thú thừa lư
Công đâu công thiếu công thừa
Công đâu mức nước tưới dừa Tam Quan
Hết miễn Tam Quan sang ngàn Tây Phố
Chạy một hồi mới tỏ lối Hoàng Sa
Phường Châm bãi Mới đã ra
Cồn khô nước ngọt gió là cát bay
Hòn Ly nước ngọt là đây
Thấy hòn Nhơn Bún sắp bày vũng trong
Khen ai khéo hoạ địa đồ
Con thuyền dạo bể giang hồ thảnh thơi
Anh em trò chuyện vui cười
Ngước mắt lên núi thấy người bồng con
Thương chồng ngồi giữa đỉnh non
Trắng trong vàng vạc dạ còn như in
Đã hết miễn cao trông vào núi cựa
Hai mũi đèo chồm chợ de ra
Trên thì mũi Lắm dưới mũi Ba
Qua hai mũi ấy vũng La đã gần

Trong thì vũng La ngoài thì vũng Lắm
Lạch Kim Đài thâm thẳm ngong vô
Xênh xang bát ngát như tờ
Lao xao chốn ấy là chùa Ngã Liên
Chùa Ngã Liên còn chùa Mã Lý
Mã Cao Biển cột tháp thừa xưa
Đền Ông xưa đã tới nơi
Bãi tiên thăm thẳm đã vời Đồng Môn
Dầu ai nghi nghệ bán buôn
Ra buồm Sư Tử nước non dần dà
Đầu ghềnh mũi Nậy de ra
Chạy khỏi một đội đò là Ô Rô
Vũng Ô Rô bốn mùa cùng khuấy
Dựa lạch Nồm lạch Bắc cùng vui
Sơn Xuyên phong cảnh là đây
Nước non bia tạc đá xây ngàn trùng
Đá chập chùng non trùng xước ngược
Tạc bia truyền thừa trước Hùng Vương
Chạy qua đội ấy dặm trường
Ba non xấp xói là đèo ngư dân
Bồng đầu mũi Ngọc gieo cần
Đổi mỗi chồm chợ lần lần de ra
Nước non thú vật hay là
Thấy bầy trâu nẹp xi xoà sóng reo
Chạy qua đội ấy làng kheo
Cửa Lớn cửa Bé lạch eo ra vào
Sống Ba Đào hòn Xum mũi Mác
Cửa canh gà tục tác bò ra
Xóm Đò ngọn khói đã qua
Lăn buồm dựa Chụt đó là Nha Trang
Chốn Nha Trang vẻ vang tứ thú
Săn quán hàng các lái bán mua
Đông Bắc thì dựa vũng Chùa
Nồm Nam dựa Chụt bốn mùa như ao
Ngoài Cù lao đá thung như vách
Mặc lòng người quán khách nghỉ ngơi
Anh em trò chuyện vui cười
Buồm trương ba cạnh bắc vời chạy vô
Gió ổ ổ buồm trương ba cạnh
Qua miếu Bà đền Thánh nhớn nhỏ
Vũng dăng đá vách như thành
Vũng dăng đá vách xung quanh như buồng
Ngó vào trong bãi chung hòn Lúa
Qua ba ngòi mới tỏ Phan Rang
Vũng tròn lai lạng mênh mang
Ngó qua thăm thẳm là ngàn mũi Dinh
Qua mũi Dinh cho liền chín giải
Mũi chỉ mặt trời rán lái de ra
Liệu chùng chốn ấy đã qua
Tây phương chỉ mũi lái đà gác đồng

Gò lèo ba cạnh thẳng dong
 Cửa Ná Đá tới phủ Ông đã gần
 Phủ Ông cửa Ná bãi Tôn hây hây
 Phủ Ông cửa Ná là đây
 Cù lao chất ngất thẳng ngay là Gàn
 Trông thì thuyền đậu thênh thang
 Làng sông trải lưới thênh thang làm nghề
 Hòn Rông nay đã muốn kể
 Thấy lạch Phan Rí thuyền bè xôn xao
 Hòn Sơn đứng trước, hòn Rông đứng sau
 Ngó vào trong vụng như ao lặn bằng
 Ngó xa mà chẳng thấy tăm
 Phủ Hải Phan Thiết đã gần trạm Long
 Nào ai bẻ quế non sông
 Nào ai vác búa chớ đừng rung cây
 Se gà này đã gần đây
 Cũng gần Cựu Cận đó là Ba Dy
 Hòn Ba thì ở ngoài khơi
 Chạy khỏi một đội đó là Kỳ Vân
 Ngoài Kỳ Vân trong thì Chinh Bọng
 Ngàn vũng Tàu lấm lậm xa khơi
 Vũng Tàu nay đã tới nơi
 Bãi Tiên giếng Ngự nước trong cam tuyền
 Vũng Tàu vui thú là miền thanh thời
 Thanh thời ba cánh thanh thời
 Tuần giờ lạch láng đã miền ở đây.

3 - Đôi điều nói thêm

3.1 - Văn bản này của người Bồ Lô - Xuyên Hôi, xóm Tân Hải, Cẩm Nhượng, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh, do ông Trần Văn Lạ, kể. Ông Nguyễn Ngọc Quang, xóm Văn Hiến, Cẩm Nhượng, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh, giúp chúng tôi ghi lại. Có đôi đoạn chúng tôi đã dựa vào dị bản ở cửa Sót, Thạch Kim, Hà Tĩnh (do lão ngư người Bồ Lô: Nguyễn Văn Ất cung cấp) để bổ sung. Thí dụ câu đầu tiên của bản ở Cẩm Nhượng là:

Cưỡi bá cảnh dâu

Có hai ông lão sống lâu để đời

Câu đầu tiên của dị bản ở cửa Sót là:

Bố Chính là Bố Chính châu

Có ông già lão sống lâu để đời

Tạm thời khi chưa xác minh được, chúng tôi dùng câu đầu của dị bản ở cửa Sót. Ngoài câu trên, tại một số câu khác chúng tôi cũng đã sử dụng dị bản ở cửa Sót để bổ sung nhằm hoàn thiện văn bản. Dù vậy chúng tôi chưa thể tin đây là văn bản đầy đủ. Cách kể tại nhiều đoạn rất đáng ngờ. Phải tiếp tục sưu tập nhiều dị bản khác may ra mới có được một bản hoàn thiện tương đối. Cũng cần phải nói thêm ngoài

Nguyễn Duy Thiệu: Nhật trình di biển của người Bồ Lô...

khu vực Bắc miền Trung, tại cực Nam Trung Bộ trong ngư dân thủy cư vùng biển Khánh Hoà văn bản này có tên là: "Về các lái" cũng phổ biến, đã được sưu tầm và in trong *Tập san Văn - Sử - Địa* vào cuối những năm 1960. Thạch Phương và Ngô Quang Hiến trong *Ca dao Nam Trung Bộ* (Nxb. KHXH, HN, 1994), cũng giới thiệu "Về các lái" không rõ các tác giả này đã trực tiếp sưu tầm hoặc sử dụng lại nguồn tài liệu đã nói ở trên. Chúng tôi chưa có dịp tra cứu để so sánh giữa các văn bản.

3.2 - Địa đồ kể trong bản Nhật trình này được xác định từ vùng biển Thanh Hoá đến vùng biển Bà Rịa - Vũng Tàu, trùng với khu vực có các nhóm ngư dân thủy cư mà chúng tôi nghi họ có nguồn gốc Nam Đảo sinh sống.

3.3 - Muốn hiểu chính xác được văn bản phải biết tiếng địa phương vùng Quảng Bình, Hà Tĩnh và phải biết kỹ thuật đi biển bằng thuyền thủ công. Bởi thế mà lần này chúng tôi chỉ công bố văn bản gốc mà chưa giám chú giải. Hy vọng là trong tương lai gần, chúng tôi sẽ có điều kiện để nghiên cứu và chú giải chi tiết văn bản này./.

N.D.T

Chú thích:

Để hiểu thêm về người Bồ Lô xin xem:

- 1 - Nguyễn Duy Thiệu: "Người Bồ Lô và vạ Kỳ Xuyên", *Tạp chí Dân tộc học*, số 3, HN, 1989.
- 2 - Nguyễn Duy Thiệu: "A few features on the way of life of the Bo Lo and other fishing inhabitants at Cua Sot estuary", *Vietnam Social Sciences*, N.4, 1993.
- 3 - Nguyễn Duy Thiệu: *Cộng đồng ngư dân ở Việt Nam*, Nxb. KHXH, HN, 2002 (420 trang).
- 4 - Nguyễn Duy Thiệu: "Các cộng đồng ngư dân thủy cư ở vùng biển Việt Nam", *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 6, HN, 2003.
- 5 - Nguyễn Duy Thiệu: "Những vết tích Malayu trong văn hoá của tộc người Kinh (Việt) - qua tư liệu nghiên cứu điền dã về các cộng đồng thủy cư ở Việt Nam", *Tạp chí Di sản văn hoá*, số 4/2003.